

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ.	- Có bảng kê khai các thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu so với hàng hóa mời thầu, trong đó ghi chú rõ đặc tính thông số kỹ thuật "tương đương" hoặc "tốt hơn" yêu cầu của E-HSMT được duyệt. Đặc tính thông số kỹ thuật của E-HSMT là yêu cầu tối thiểu. - Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ của hàng hóa mà nhà thầu kê khai hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V của E-HSMT được duyệt. - Có đầy đủ các cam kết theo quy định tại Chương V của E-HSMT được duyệt. - Nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ như: tên quốc gia, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất của hàng hóa dự thầu theo Mẫu số 12.1 (Webform trên Hệ thống).	Đạt
	- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt và cài đặt hàng hóa		
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt và cài đặt hàng hóa.	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt và cài đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. Cụ thể như sau: a. Đối với thiết bị: - Thuyết minh trình bày chi tiết, hợp lý biện pháp cung cấp, lắp đặt thiết bị đảm bảo kỹ thuật, mỹ quan. - Thuyết minh quá trình cài đặt hệ điều hành bản quyền, ứng dụng, phân quyền đối với máy vi tính. - Thuyết minh biện pháp vận hành thiết	Đạt

	bị, hướng dẫn sử dụng. b. Biện pháp vận chuyển đảm bảo chất lượng: - Căn cứ vị trí, địa điểm thực hiện gói thầu, Nhà thầu phải có thuyết minh trình bày rõ về phương án vận chuyển, phương tiện sử dụng để vận chuyển hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp điều kiện sản xuất hoặc thương mại mà nhà thầu đã đề xuất. - Có thuyết minh biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của hàng hóa, thiết bị trong quá trình vận chuyển. c. Biện pháp tổ chức bảo quản, giữ gìn sản phẩm trong thời gian từ khi giao hàng đến khi được cơ quan chuyên môn kiểm tra công tác nghiệm thu gói thầu theo thẩm quyền và chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, bàn giao cho đơn vị sử dụng.	
	- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt

3. Tiến độ cung cấp hàng hóa

Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Có bảng tiến độ chi tiết (có sơ đồ và thuyết minh chi tiết, cụ thể), trong đó phải thể hiện rõ các mốc thời gian bắt đầu - kết thúc của từng nội dung công việc, tuy nhiên tổng tiến độ không vượt thời gian theo quy định của E-HSMT (≤ 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, có tính điều kiện thời tiết và các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật). Cụ thể: - Thời gian cung ứng hoặc sản xuất hàng hóa, thiết bị và tập kết đến địa điểm cung cấp lắp đặt. - Thời gian thi công, lắp đặt hàng hóa tại từng địa điểm sử dụng. - Thời gian tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao.	Đạt
	- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt

4. Bảo hành, bảo trì

Thời gian, giải pháp bảo hành, bảo trì (khuyến khích nhà thầu tăng thời gian bảo hành, bảo trì so với yêu cầu E-HSMT).	a. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì: Nhà thầu phải có văn bản cam kết về bảo hành, bảo trì theo các yêu cầu sau: - Thời gian bảo hành ≥ 36 tháng. - Thực hiện bảo trì ≥ 06 lần/36 tháng, tổng thời gian bảo trì ≥ 36 tháng. - Thời gian sửa chữa ≤ 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư. b. Có thuyết minh trình bày rõ kế hoạch, phương tiện, cự ly và thời gian để thực hiện bảo hành, bảo trì, sửa chữa đáp ứng yêu cầu đối với từng loại thiết bị. Và giá trị bảo lãnh bảo hành $\geq 5\%$ giá trị hợp đồng.	Đạt
	- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
5. Năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế; khả năng lắp đặt thiết bị		
Năng lực cung cấp hàng hóa, thiết bị, các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế.	a. Năng lực cung cấp hàng hóa, thiết bị: - Đối với nhà thầu sản xuất: Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh năng lực sản xuất sản phẩm đáp ứng yêu cầu đối với từng loại sản phẩm (theo hướng dẫn ở mục (10) phần ghi chú tại Bảng số 2 - Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. b. Các dịch vụ sau bán hàng: - Đối với nhà thầu sản xuất: Nhà thầu phải có trụ sở chính hoặc chi nhánh, hoặc trung tâm bảo hành, hoặc văn phòng đại diện tại khu vực thuận lợi nhất cho chủ đầu tư, đảm bảo việc thực hiện bảo hành, bảo trì theo các nội dung đã cam kết tại điểm a, phần 4 (kèm theo các tài liệu chứng minh). - Đối với nhà thầu thương mại: Nhà thầu phải cung cấp một trong các tài liệu sau để chứng minh: + Hợp đồng nguyên tắc hoặc các thỏa thuận, văn bản cam kết hoặc tài liệu tương đương với nhà sản xuất sản phẩm (hoặc các đối tác, đại lý của nhà sản xuất), trong đó phải thể hiện rõ nội dung "cam	Đạt

	kết sẽ thực hiện bảo hành, bảo trì sản phẩm mà nhà sản xuất sẽ cung cấp cho nhà thầu theo đúng các cam kết tại điểm a, phần 4". + Tài liệu chứng minh được năng lực bảo hành, bảo trì của nhà thầu đối với các sản phẩm thương mại (về nhân sự, khoảng cách địa lý đến địa điểm thực hiện bảo hành, bảo trì). + Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có năng lực thực hiện bảo hành, bảo trì đảm bảo theo cam kết của nhà thầu (kèm tài liệu chứng minh năng lực của đơn vị bảo hành về giấy chứng nhận ĐKKD, nhân sự, khoảng cách địa lý đến địa điểm thực hiện bảo hành, bảo trì). - Có cam kết thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): Tối thiểu 5 năm kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành.	
	- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
6. Khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường		
6.1. Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường		
Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường.	Có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường.	Đạt
	Không có cam kết hàng hóa được cung cấp thích ứng về địa lý, môi trường.	Không đạt
6.2. Tác động đối với môi trường		
Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết.	Có cam kết hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và có biện pháp giải quyết hợp lý.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
7. Các yếu tố cần thiết khác		
7.1. Catalogue, hình ảnh của hàng hóa dự thầu	E-HSDT phải có đầy đủ catalogue, hình ảnh sản phẩm thực tế đối với hàng hóa dự thầu kèm theo E-HSDT. Hình ảnh đảm bảo đúng sản phẩm mà nhà thầu chào dự thầu, chất lượng hình ảnh rõ nét,	Đạt

	catalogue phải chính xác với catalogue được nhà sản xuất công bố chính thức (trên website hoặc các hình thức khác). Trường hợp thiết bị chưa được công bố chính thức thì phải kèm theo xác nhận của Nhà sản xuất hoặc Nhà phân phối chính thức. Catalogue ngôn ngữ tiếng Việt, trường hợp tiếng Anh phải kèm bản dịch tiếng Việt. Lưu ý: Có 01 thiết bị không đạt thì kết quả đánh giá không đạt.	
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
7.2. Tính trung thực, không sử dụng tài liệu giả mạo không hợp lệ trong dự thầu	- Có bản cam kết các thông tin và tài liệu mà nhà thầu gửi trong HSDT là hoàn toàn trung thực, nhà thầu không sử dụng tài liệu giả mạo không hợp lệ trong dự thầu. Nếu có bất kỳ nội dung hay tài liệu nào gian lận, giả mạo, không hợp lệ thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại và bị xử lý theo quy định của pháp luật. - Có bản cam kết trong quá trình đối chiếu tài liệu (nếu được mời đối chiếu tài liệu) sẵn sàng cung cấp bản gốc các tài liệu nêu trong E-HSDT để đối chiếu, xem xét làm rõ tính trung thực nếu như các tài liệu có dấu hiệu giả mạo khi chủ đầu tư yêu cầu.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
Kết luận: E-HSDT được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn trên thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.		